SỞ NỘI VỤ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM DỊCH VỤ VIỆC LÀM

Số: 657 /TB-DVVL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 25 tháng 3 năm 2025

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn đơn vị tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật đấu giá tài sản năm 2016;

Căn cứ quy định tại Điều 1 Luật số 37/2024/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Quyết định số 1330/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê của Trung tâm Dịch vụ việc làm đơn vị trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 82/QĐ-DVVL ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Dịch vụ việc làm thành phố Cần Thơ về việc đấu giá và phê duyệt giá khởi điểm đấu giá cho thuê mặt bằng tại Trung tâm Dịch vụ việc làm thành phố Cần Thơ;

Trung tâm Dịch vụ việc làm thành phố Cần Thơ thông báo công khai về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản để thực hiện đấu giá tài sản như sau:

1. Tên, địa chỉ đơn vị có tài sản đấu giá:

- Tên đơn vị: Trung tâm Dịch vụ việc làm thành phố Cần Thơ.

- Địa chỉ: Số 160 đường 30 Tháng 4, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

2. Thông tin tài sản đấu giá và giá khởi điểm: Cho thuê mặt bằng Tầng 1, Tầng 2, Tầng 3, Tầng 5, Tầng 6 tại Trung tâm Dịch vụ việc làm thành phố Cần Thơ, cụ thể như sau:

STT	Tài sản cho thuê	Diện tích (m^2)	Thời gian cho thuê	Giá khởi điểm (Đồng/tháng)
I	**TẦNG 1**			
1	Mặt bằng cho thuê (Khu vực sảnh phụ 1 - Greenwish)	57,60	Dưới 05 năm	14.976.000
2	Mặt bằng cho thuê (Khu vực sảnh phụ 2)	103,68	Dưới 05 năm	26.956.800
3	Mặt bằng cho thuê (Khu vực sảnh phụ 3)	130	Dưới 05 năm	33.800.000

STT	Tài sản cho thuê	Diện tích (m^2)	Thời gian cho thuê	Giá khởi điểm (Đồng/tháng)
4	Mặt bằng cho thuê (Khu vực Jobcafe)	131,04	Dưới 05 năm	34.070.400
II	**TẦNG 2**			
1	Phòng 201	48	Dưới 05 năm	12.480.000
2	Phòng tập huấn T2	80	Dưới 05 năm	20.800.000
3	Phòng 202	50	Dưới 05 năm	13.000.000
4	Phòng 203	53	Dưới 05 năm	13.780.000
5	Phòng 204A	49	Dưới 05 năm	12.740.000
6	Phòng 204B	49	Dưới 05 năm	12.740.000
7	Phòng 205	49	Dưới 05 năm	12.740.000
8	Phòng 206	82	Dưới 05 năm	21.320.000
9	Phòng 207A	49	Dưới 05 năm	12.740.000
III	**TẦNG 3**			
1	Khu vực tiếp đón 301	64,4	Dưới 05 năm	16.744.000
2	Phòng 302	66,2	Dưới 05 năm	17.212.000
3	Phòng 303	64,4	Dưới 05 năm	16.744.000
4	Phòng 304	50,4	Dưới 05 năm	13.104.000
5	Phòng 313	40	Dưới 05 năm	10.400.000
6	Phòng 314	74,4	Dưới 05 năm	19.344.000
7	Phòng 315	83,3	Dưới 05 năm	21.658.000
8	Phòng 316	70	Dưới 05 năm	18.200.000
9	Phòng 317	83,3	Dưới 05 năm	21.658.000
IV	**TẦNG 5**			
1	Phòng 501	114	Dưới 05 năm	29.640.000
2	Phòng 502	110	Dưới 05 năm	28.600.000
3	Phòng 503	76,7	Dưới 05 năm	19.942.000
4	Phòng 504	114	Dưới 05 năm	29.640.000
5	Phòng 505	110	Dưới 05 năm	28.600.000
6	Phòng 506	76,7	Dưới 05 năm	19.942.000
7	Phòng 507	110	Dưới 05 năm	28.600.000
8	Mặt bằng sân thượng	700	Dưới 05 năm	14.000.000
V	**TẦNG 6**			
1	Phòng 602A	35	Dưới 05 năm	9.100.000
2	Phòng 604	76,7	Dưới 05 năm	19.942.000

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bao gồm

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	**Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố**	

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	**Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá**	**19,0**
1.	***Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá***	***10,0***
1.1	*Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc*	*5,0*
1.2	*Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện*	*5,0*
2.	***Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá***	***5,0***
2.1	*Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)*	*2,0*
2.2	*Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)*	*3,0*
3.	***Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên*** ***Đối với Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp***	***2,0***
4.	***Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến***	***1,0***
5.	***Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá***	***1,0***
III	**Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả** *(Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)*	**16,0**
1.	***Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao***	***4,0***
1.1	*Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả*	*2,0*
1.2	*Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả*	*2,0*
2.	***Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)***	***4,0***
3.	***Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá***	***4,0***
3.1	*Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật*	*2,0*
3.2	*Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá*	*2,0*
4.	***Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá***	***4,0***

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
	hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	
IV	**Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản**	**57,0**
1.	***Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)*** Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	***15,0***
1.1	*Dưới 20 cuộc đấu giá*	*12,0*
1.2	*Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá*	*13,0*
1.3	*Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá*	*14,0*
1.4	*Từ 70 cuộc đấu giá trở lên*	*15,0*
2.	***Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề*** Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	***7,0***
2.1	*Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)*	*4,0*
2.2	*Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành*	*5,0*
2.3	*Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành*	*6,0*
2.4	*Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên*	*7,0*
3.	***Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề*** (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	***7,0***
3.1	*Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)*	*4,0*
3.2	*Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc*	*5,0*
3.3	*Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc*	*6,0*
3.4	*Từ 50 cuộc trở lên*	*7,0*
4.	***Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên*** (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm	***3,0***
4.1	*Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm*	*3,0*
4.2	*Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức:* *Số điểm của B = (U x 3)/Y*	

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
4.3	*Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = (V x 3)/Y*	
5.	***Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)*** Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	***7,0***
5.1	*Có thời gian hoạt động dưới 05 năm*	*4,0*
5.2	*Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm*	*5,0*
5.3	*Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm*	*6,0*
5.4	*Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên*	*7,0*
6.	***Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản*** Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	***4,0***
6.1	*01 đấu giá viên*	*2,0*
6.2	*Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên*	*3,0*
6.3	*Từ 05 đấu giá viên trở lên*	*4,0*
7.	***Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản)*** Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	***4,0***
7.1	*Dưới 05 năm*	*2,0*
7.2	*Từ 05 năm đến dưới 10 năm*	*3,0*
7.3	*Từ 10 năm trở lên*	*4,0*
8.	***Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề*** Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	***5,0***
8.1	*Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên*	*3,0*
8.2	*Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên*	*4,0*
8.3	*Có từ 04 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên*	*5,0*
9.	***Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo***	***5,0***

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
	cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	
9.1	*Dưới 50 triệu đồng*	*3,0*
9.2	*Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng*	*4,0*
9.3	*Từ 100 triệu đồng trở lên*	*5,0*
V	**Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định**	**8,0**
1.	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó	3,0
2.	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá	4,0
3.	Đấu giá viên có nhiều năm kinh nghiệm nhất trong điều hành đấu giá (Chứng minh bằng biên bản đấu giá)	1,0
Tổng số điểm		**100**

4. Thời gian, địa điểm nhận hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:

- Thời gian nhận hồ sơ: Trong vòng 04 ngày làm việc kể từ ngày thông báo (Trong giờ hành chính).

- Địa điểm nhận hồ sơ: Trung tâm Dịch vụ việc làm thành phố Cần Thơ. Địa chỉ: Số 160 đường 30 Tháng 4, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Trung tâm Dịch vụ việc làm thành phố Cần Thơ trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:
- Cổng thông tin điện tử Trung tâm Dịch vụ việc làm thành phố Cần Thơ;
- Cổng Đấu giá tài sản quốc gia - Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, HC (TTMD).

GIÁM ĐỐC

SỞ NỘI VỤ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM DỊCH VỤ VIỆC LÀM THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Nguyễn Văn Toàn